

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 75 /DLBT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dịch vụ Du Lịch Bến Thành thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Bến Thành

- Mã chứng khoán: BTV
- Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: (028) 35202020 Fax:
- Email: [benthanh@benthanhtourist.com](mailto:benthanh@benthanhtourist.com)
- Website: <https://benthanhtourist.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên đã soát xét năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://benthanhtourist.com/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên 2024
- Văn bản giải trình biến động số liệu BCTC



NGUYỄN NGỌC HOÀI NGUYỄN

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 76 /DLBT

V.v Giải trình biến động số liệu  
BCTC 06 tháng năm 2024 so với  
06 tháng năm 2023 đã kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính (BCTC) 06 tháng năm 2024 và 06 tháng năm 2023 đã kiểm toán

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (Mã CK: BTV) giải trình sự biến động về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên BCTC 06 tháng năm 2024 so với BCTC 06 tháng năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) 06 tháng năm 2024 lãi 15.006.371.654VND, tăng 2.373.853.535VND, tương ứng tăng 19% so với 06 tháng năm 2023. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng năm 2024 tăng 81.530.285.198VND, tương ứng tăng 21% so với 06 tháng năm 2023. Cụ thể:
  - o Doanh thu từ dịch vụ lữ hành tăng 23% so với kỳ trước;
  - o Doanh thu từ dịch vụ kinh doanh vé máy bay tăng 16% so với kỳ trước;
  - o Doanh thu từ bán hàng hóa tăng 32% so với kỳ trước.
- Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 8.051.055.620VND, tương ứng tăng 12% so với kỳ trước.
- Chi phí hoạt động tài chính kỳ này giảm 877.960.393VND, tương ứng giảm 26% so với kỳ trước.

Công ty xin giải trình đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông nắm rõ.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Cty.



NGUYỄN NGỌC HOÀI NGUYỄN



Số: 777/DLBT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP dịch vụ du lịch Bến Thành

- Mã chứng khoán: BTV

- Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: (028) 35202020

- E-mail: benthanh@benthanhtourist.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình Chênh lệch số liệu trên BCTC bán niên 2024 trước và sau kiểm toán như sau

Số liệu chênh lệch

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán (1)	Số liệu sau kiểm toán (2)	Chênh lệch (+): Tăng (-): Giảm (3) = (2)-(1)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	479.891.579.882	479.891.579.882	0
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.933.953.844	4.933.953.844	0
Giá vốn hàng bán	400.047.489.119	400.047.489.119	0
Doanh thu hoạt động tài chính	1.591.577.036	1.591.577.036	0
Chi phí tài chính	1.901.731.487	2.457.301.197	555.569.710
Chi phí bán hàng	35.265.176.014	35.265.176.014	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.044.639.385	23.044.639.385	0
Thu nhập khác	220.743.726	220.743.726	0
Chi phí khác	948.969.431	948.969.431	0
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	2.153.127.432	2.153.127.432
Lợi nhuận sau thuế	15.561.941.364	12.853.244.222	2.708.697.142



**Các bút toán điều chỉnh ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán:**

- Điều chỉnh tăng chi phí dự phòng đầu tư tài chính: 555.569.710 đồng.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành bán niên 2024 vào BCTC: 2.153.127.432 đồng.

Trên đây là giải trình của công ty về biến động số liệu trên BCTC trước và sau kiểm toán bán niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://benthanhtourist.com/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:***

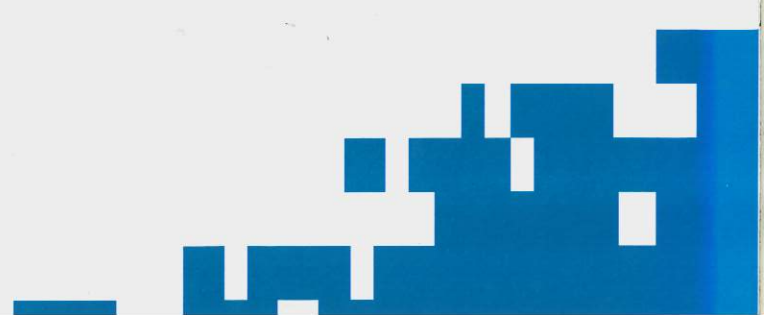
- BCTC bán niên 2024
- Văn bản giải trình biến động số liệu BCTC.

**Dại diện tổ chức**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ DU LỊCH**  
**BẾN THÀNH**  
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH  
C.T.C.P  
M.S.D.N. 001.1718

**NGUYỄN NGỌC HOÀI NGUYỄN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 38





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Tâm Hoà	Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Thành viên
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên
Ông Thái Minh Duy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên**  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature  
147-147Bis Hai Bà Trưng  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026  
contact\_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 20/2024/SX-RSMHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**THE POWER OF BEING UNDERSTOOD**  
ASSURANCE | TAX | CONSULTING



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>367.316.564.684</b>	<b>287.410.287.653</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.969.199.203</b>	<b>18.156.061.696</b>
1. Tiền	111	4.1	5.969.199.203	18.156.061.696
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>29.500.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	29.500.000.000	32.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>220.283.745.216</b>	<b>185.830.749.325</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	127.581.616.521	97.387.342.805
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	83.413.580.534	83.362.811.898
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	22.634.809.453	21.820.905.561
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(13.346.261.292)	(16.740.310.939)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>105.487.752.967</b>	<b>45.465.444.730</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	105.487.752.967	45.465.444.730
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.075.867.298</b>	<b>5.958.031.902</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	1.788.010.289	1.910.304.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.245.782	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	4.266.611.227	4.047.727.328
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>168.022.591.482</b>	<b>173.111.971.999</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.479.525.000</b>	<b>2.479.525.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.479.525.000	2.479.525.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.965.432.779</b>	<b>46.711.470.612</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	44.394.703.703	46.028.703.344
Nguyên giá	222		154.636.451.715	154.636.451.715
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.241.748.012)	(108.607.748.371)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	570.729.076	682.767.268
Nguyên giá	228		4.141.037.044	4.141.037.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.570.307.968)	(3.458.269.776)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	4.10	<b>22.252.821.706</b>	<b>22.665.976.114</b>
1. Nguyên giá	231		36.741.573.937	36.741.573.937
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.488.752.231)	(14.075.597.823)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>82.209.894.463</b>	<b>82.630.464.173</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		91.546.951.082	91.546.951.082
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.214.175.540	11.079.175.540
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.551.232.159)	(19.995.662.449)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.114.917.534</b>	<b>18.624.536.100</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	16.114.917.534	18.624.536.100
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>535.339.156.166</b>	<b>460.522.259.652</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>298.783.194.246</b>	<b>236.537.541.954</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>265.474.086.088</b>	<b>203.275.120.688</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	69.930.235.014	27.400.155.940
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	62.393.559.747	30.978.824.922
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.978.937.183	2.740.544.409
4. Phải trả người lao động	314	4.15	4.718.312.900	7.907.273.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	29.700.295.194	49.081.859.969
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	8.937.292.225	15.857.953.251
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	9.632.954.389	7.609.757.969
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	69.263.466.198	52.779.717.490
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.20	8.892.113.238	8.892.113.238
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.920.000	26.920.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>33.309.108.158</b>	<b>33.262.421.266</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.17	8.304.666.358	8.807.979.466
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	25.004.441.800	24.454.441.800
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>236.555.961.920</b>	<b>223.984.717.698</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.21.1	<b>236.555.961.920</b>	<b>223.984.717.698</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(911.400.000)	(911.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.635.810.142	4.635.810.142
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.168.448.222)	(29.739.692.444)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(29.739.692.444)	(59.589.312.526)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.571.244.222	29.849.620.082
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>535.339.156.166</b>	<b>460.522.259.652</b>



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Trinh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.23	479.891.579.882	398.143.967.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.24	4.933.953.844	4.716.627.140
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		474.957.626.038	393.427.340.840
4. Giá vốn hàng bán	11	4.25	400.047.489.119	326.568.259.541
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.910.136.919	66.859.081.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.26	1.591.577.036	2.925.224.867
7. Chi phí tài chính	22	4.27	2.457.301.197	3.335.261.590
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.891.770.331</i>	<i>1.583.765.817</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.28	35.265.176.014	34.517.679.649
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.29	23.044.639.385	19.448.696.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.734.597.359	12.482.668.404
11. Thu nhập khác	31		220.743.726	183.517.559
12. Chi phí khác	32		948.969.431	33.667.844
13. Lợi nhuận khác	40		(728.225.705)	149.849.715
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.006.371.654	12.632.518.119
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.31	2.153.127.432	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.853.244.222	12.632.518.119
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.3	516	506
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.4	516	506



**Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Nguyễn Văn Ngọc**  
Kế toán trưởng

**Ngô Ngọc Trinh**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.006.371.654	12.632.518.119
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.30	2.159.192.241	2.204.993.890
Các khoản dự phòng	03		(195.552.073)	1.211.910.426
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(846.468.975)	(1.959.059.130)
Chi phí lãi vay	06		1.891.770.331	1.583.765.817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.015.313.178	15.674.129.122
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.342.003.789)	(29.818.781.659)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.022.308.237)	(36.108.352.831)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		43.326.776.152	43.542.369.972
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.631.912.851	1.871.520.629
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.891.770.331)	(1.583.765.817)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	12.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(17.282.080.176)</b>	<b>(6.410.880.584)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(7.500.000.000)	(31.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	7.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.735.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	313.560.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		846.468.975	1.959.059.130
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.388.531.025)</b>	<b>(21.727.380.870)</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.32	176.636.014.171	120.772.302.981
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.33	(160.152.265.463)	(98.000.527.856)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>16.483.748.708</b>	<b>22.771.775.125</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.186.862.493)</b>	<b>(5.366.486.329)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.156.061.696	14.750.117.374
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>5.969.199.203</b>	<b>9.383.631.045</b>



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Trinh  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301171827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 09 năm 2022 để thay đổi địa chỉ văn phòng chính của Công ty.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Văn bản số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015 và được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 05/2017/GCNCP-VSD ngày 04/01/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ Phần An Phú	Việt Nam	26.660.000.000	10,66	26.660.000.000	10,66
Các nhà đầu tư khác		100.840.000.000	40,34	100.840.000.000	40,34
<b>Cộng</b>		<b>250.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 341 (01 tháng 01 năm 2024 là: 311).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Điều hành tour du lịch chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh, đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, cho thuê kho bãi và kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay, môi giới vận tải và dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại và phi kim loại tại trụ sở).

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có các công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	09 Ngô Quyền, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên- Huế, Việt Nam	43,33%	43,33%	43,33%
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	4-6-8 Hồ Huân Nghiệp, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	Dịch vụ cho thuê căn hộ	180A Hai Bà Trưng, phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,22%	22,22%	22,22%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 gồm:

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Trung tâm Lữ hành Sài Gòn	70 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Khách sạn Viễn Đông	275A Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3	Chi nhánh Hà Nội	Tầng 4, toà nhà Kinh đô, 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
4	Chi nhánh Đà Nẵng	90 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
5	Chi nhánh Cần Thơ	171 Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
6	Chi nhánh Vĩnh Long	Tổ 14, ấp An Thuận, xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2023.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền**

	<b>Tại ngày 30/06/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024 VND</b>
Tiền mặt	77.565.500	103.894.397
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.891.633.703	18.052.167.299
<b>Cộng</b>	<b>5.969.199.203</b>	<b>18.156.061.696</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	14.500.000.000	14.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.500.000.000</b>	<b>29.500.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>

(\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền 29.500.000.000 VND do Công ty nắm giữ nhưng hạn chế sử dụng, đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay vốn giữa Công ty với Ngân hàng – Xem thêm Mục 4.19.

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	63.000.000.000	(18.421.291.853)	(*)	63.000.000.000	(17.865.722.143)	(*)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân	24.278.147.833	-	(*)	24.278.147.833	-	(*)
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	4.268.803.249	(2.129.940.306)	(*)	4.268.803.249	(2.129.940.306)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>91.546.951.082</b>	<b>(20.551.232.159)</b>		<b>91.546.951.082</b>	<b>(19.995.662.449)</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	7.182.926.938	-	(*)	7.182.926.938	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành (**)	4.031.248.602	-	(*)	3.896.248.602	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>11.214.175.540</b>	<b>-</b>		<b>11.079.175.540</b>	<b>-</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Công ty đã đăng ký mua mới 13.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành được chào bán cho các cổ đông hiện hữu với giá trị mua là 135.000.000 VND theo Thông báo số 14b/TBĐHCFĐ. Cũng theo thông báo này, Công ty được sở hữu thêm 99.000 cổ phiếu bằng hình thức nhận phân phối lợi nhuận bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành cho các cổ đông hiện hữu.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	19.995.662.449	17.351.462.449
Trích lập trong kỳ	555.569.710	1.750.000.000
<b>Số dư tại 30/06</b>	<b>20.551.232.159</b>	<b>19.101.462.449</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.35	123.250.000	154.549.500
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	25.068.843.957	1.148.221.825
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	19.169.084.000	59.400.000
Công ty Cổ phần Triệu Hải Lâm	10.286.510.998	10.286.510.998
Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành	9.904.546.710	6.799.466.667
Các khách hàng khác (*)	63.029.380.856	78.939.193.815
<b>Cộng</b>	<b>127.581.616.521</b>	<b>97.387.342.805</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.35	22.380.000	137.920.000
Trả trước cho người bán:		
Bà Bùi Thị Thu Hằng (*)	14.600.000.000	-
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP	5.757.154.000	5.293.546.000
Triumph Leisure Solutions	4.000.879.185	-
Các nhà cung cấp khác (**)	59.033.167.349	77.931.345.898
<b>Cộng</b>	<b>83.413.580.534</b>	<b>83.362.811.898</b>

(\*) Đây là số tiền Công ty đã ứng trước theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐNT-VS/2024 ngày 11 tháng 06 năm 2024 để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần TM-DV-Du lịch Vinh Sang.

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khác bên liên quan – Xem thêm Mục 4.35	3.584.224.370	3.584.224.370
Tạm ứng (*)	18.178.575.676	17.454.056.945
Các khoản ký cược, ký quỹ	281.540.000	281.540.000
Phải thu ngắn hạn khác	590.469.407	501.084.246
<b>Cộng</b>	<b>22.634.809.453</b>	<b>21.820.905.561</b>
Dài hạn:		
Các khoản ký cược, ký quỹ	2.479.525.000	2.479.525.000

(\*) Đây là khoản tiền tạm ứng cho nhân viên của khối lữ hành cho các tour du lịch đã, đang và sẽ thực hiện tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2024 nhưng chưa được quyết toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	24.023.642.427	10.677.381.135	25.656.027.625	8.915.716.686

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn là thấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Triệu Hải Lâm	10.286.510.998	500.000.000	Trên 03 năm	10.286.510.998	500.000.000	Trên 02 năm
Các khách hàng khác	13.737.131.429	10.177.381.135	Trên 06 tháng đến trên 03 năm	15.369.516.627	8.415.716.686	Trên 06 tháng đến trên 03 năm
<b>Cộng</b>	<b>24.023.642.427</b>	<b>10.677.381.135</b>		<b>25.656.027.625</b>	<b>8.915.716.686</b>	

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư tại 01/01	16.740.310.939	17.072.030.709
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	(3.394.049.647)	(538.089.574)
<b>Số dư tại 30/06</b>	<b>13.346.261.292</b>	<b>16.533.941.135</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	258.754.923	-	273.631.245	-
Công cụ, dụng cụ	923.205.167	-	889.321.028	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	99.431.821.466	-	40.354.701.146	-
Hàng hóa	4.873.971.411	-	3.947.791.311	-
<b>Cộng</b>	<b>105.487.752.967</b>	<b>-</b>	<b>45.465.444.730</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là chi phí của các tour du lịch đã và đang thực hiện tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2024 nhưng chưa được quyết toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	125.817.307.444	15.704.744.096	8.964.280.746	3.856.539.429	293.580.000	154.636.451.715
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>125.817.307.444</b>	<b>15.704.744.096</b>	<b>8.964.280.746</b>	<b>3.856.539.429</b>	<b>293.580.000</b>	<b>154.636.451.715</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	85.059.279.792	13.748.767.021	5.659.900.215	3.851.463.843	288.337.500	108.607.748.371
Khấu hao trong kỳ	950.615.028	244.711.071	430.385.676	3.045.366	5.242.500	1.633.999.641
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>86.009.894.820</b>	<b>13.993.478.092</b>	<b>6.090.285.891</b>	<b>3.854.509.209</b>	<b>293.580.000</b>	<b>110.241.748.012</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	40.758.027.652	1.955.977.075	3.304.380.531	5.075.586	5.242.500	46.028.703.344
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>39.807.412.624</b>	<b>1.711.266.004</b>	<b>2.873.994.855</b>	<b>2.030.220</b>	<b>-</b>	<b>44.394.703.703</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 của TSCĐ hữu hình là 17.283.383.334 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.19.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.092.519.680 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là giá trị đang ghi sổ của phần mềm máy vi tính tại ngày 30/06/2024.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.130.473.244 VND.

**4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

**Nhà cửa, vật kiến trúc  
VND**

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Nguyên giá:

Tại ngày 01/01/2024 36.741.573.937

**Tại ngày 30/06/2024 36.741.573.937**

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2024 14.075.597.823

Khấu hao trong kỳ 413.154.408

**Tại ngày 30/06/2024 14.488.752.231**

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2024 22.665.976.114

**Tại ngày 30/06/2024 22.252.821.706**

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 6.659.299.633 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	182.211.729	166.296.605
Chi phí sửa chữa	125.191.669	275.421.667
Các khoản khác	1.480.606.891	1.468.586.302
<b>Cộng</b>	<b>1.788.010.289</b>	<b>1.910.304.574</b>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất đã nộp cho cả thời gian thuê tại mặt bằng 66-68 Hai Bà Trưng	13.153.516.992	13.459.412.736
Lợi thế thương mại	1.748.100.845	3.496.201.691
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	625.484.851	868.365.810
Chi phí sửa chữa lớn TCSD	344.826.465	457.308.387
Các khoản khác	242.988.381	343.247.476
<b>Cộng</b>	<b>16.114.917.534</b>	<b>18.624.536.100</b>

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
The Chemours Company Singapore Pte Ltd	10.820.930.400	10.820.930.400	-	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	2.819.298.640	2.819.298.640	1.170.964.257	1.170.964.257
Công ty TNHH IATA Việt Nam	800.023.710	800.023.710	2.613.194.450	2.613.194.450
Phải trả đối tượng khác (*)	55.489.982.264	55.489.982.264	23.615.997.233	23.615.997.233
<b>Cộng</b>	<b>69.930.235.014</b>	<b>69.930.235.014</b>	<b>27.400.155.940</b>	<b>27.400.155.940</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Là các khoản khách hàng ứng trước cho các dịch vụ du lịch lữ hành và dịch vụ đặt vé máy bay tại ngày 30/06/2024.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.659.445.724	34.954.722.726	35.775.001.021	-	2.479.724.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.894.599.896	-	2.153.127.432	-	4.047.727.328	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	319.491.459	1.313.123.985	1.254.452.916	-	260.820.390
Tiền thuê đất	2.372.011.331	-	5.626.773.779	7.998.785.110	-	-
Các loại thuế và phí khác	-	-	174.679.922	174.679.922	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.266.611.227</b>	<b>1.978.937.183</b>	<b>44.222.427.844</b>	<b>45.202.918.969</b>	<b>4.047.727.328</b>	<b>2.740.544.409</b>

**4.15. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động lữ hành	24.231.838.800	47.878.217.462
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động lưu trú	1.652.494.738	768.091.655
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động khác	3.815.961.656	435.550.852
<b>Cộng</b>	<b>29.700.295.194</b>	<b>49.081.859.969</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu chưa thực hiện cho thuê bất động sản (*)	1.006.626.216	1.006.626.216
Doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ lữ hành (**)	7.509.469.177	10.432.240.646
Các doanh thu chưa thực hiện khác	421.196.832	4.419.086.389
<b>Cộng</b>	<b>8.937.292.225</b>	<b>15.857.953.251</b>

Dài hạn:

Doanh thu chưa thực hiện cho thuê bất động sản (*)	8.304.666.358	8.807.979.466
--	---------------	---------------

(\*) Là khoản tiền nhận trước của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Tiến Lợi về việc thuê tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

(\*\*) Là các khoản nhận tiền trước từ khách hàng của các tour du lịch đang và sẽ thực hiện tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2024 nhưng chưa được quyết toán.

**4.18. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.248.199.000	2.248.199.000
Phải trả các chi phí xã hội gồm: BHXH, BHYT và KPCĐ	131.321.532	117.627.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.253.433.857	5.243.931.257
<b>Cộng</b>	<b>9.632.954.389</b>	<b>7.609.757.969</b>

Dài hạn:

Nhận ký quỹ, ký cược	25.004.441.800	24.454.441.800
----------------------	----------------	----------------

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.19. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	69.263.466.198	69.263.466.198	176.636.014.171	160.152.265.463	52.779.717.490	52.779.717.490

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,90% - 6,20%	19.979.223.297	20.214.507.490	(a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,10%	49.284.242.901	32.565.210.000	(b)
<b>Cộng</b>			<b>69.263.466.198</b>	<b>52.779.717.490</b>	

**a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"):**

Hạn mức vay: 30.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 12 tháng

Lãi suất: 5,90% - 6,20%/năm

Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài sản đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/06/2024 là 6.696.016.436 VND – Xem thêm Mục 4.8;
  - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 001/2023/HDTG.310.5032141 có giá trị 4.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2;
  - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 003/2023/HDTG.310.5032141 có giá trị 3.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2;
  - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 003/2022/HDTG.310.5032141 có giá trị 8.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCB”):**

Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 12 tháng

Lãi suất: 6,10%/năm

Mục đích vay: Vay vốn để bổ sung/tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài sản đảm bảo:
- Văn phòng – Nhà hàng tại số 82-84 đường Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0092/1838/TCDN2 ký ngày 12 tháng 06 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/06/2024 là 10.542.366.898 VND – Xem thêm Mục 4.8;
  - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 036.97943.23KHDN3.HĐTĐ có giá trị 7.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2;
  - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 080.2024/HDTĐG-HCM.KHDN3 có giá trị 4.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2;
  - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 095.2024/HDTĐG-HCM.KHDN3 có giá trị 3.500.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

**4.20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Đây là khoản dự phòng phải trả tiền thuê đất ước tính tăng thêm tại số 275A Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 do chưa có thông báo đơn giá tiền thuê đất chính thức từ Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.21. Vốn chủ sở hữu**

**4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	250.000.000.000	(911.400.000)	4.635.810.142	(59.589.312.526)	194.135.097.616
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	12.632.518.119	12.632.518.119
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(282.000.000)	(282.000.000)
Tại ngày 30/06/2023	250.000.000.000	(911.400.000)	4.635.810.142	(47.238.794.407)	206.485.615.735
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	17.781.101.963	17.781.101.963
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(282.000.000)	(282.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	250.000.000.000	(911.400.000)	4.635.810.142	(29.739.692.444)	223.984.717.698
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	12.853.244.222	12.853.244.222
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(282.000.000)	(282.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>(911.400.000)</b>	<b>4.635.810.142</b>	<b>(17.168.448.222)</b>	<b>236.555.961.920</b>

(Xem trang tiếp theo)





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.21.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(43.400)	(43.400)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.956.600	24.956.600

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.21.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.853.244.222	12.632.518.119
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.853.244.222	12.632.518.119
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.956.600	24.956.600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>516</b>	<b>506</b>

**4.21.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.853.244.222	12.632.518.119
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.853.244.222	12.632.518.119
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	24.956.600	24.956.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.956.600	24.956.600
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>516</b>	<b>506</b>

**4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	3.038,52	26.405,19
EUR	1.323,92	1.327,45

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ lữ hành	241.955.416.787	196.900.072.527
Doanh thu dịch vụ vé máy bay	91.844.812.446	79.311.322.847
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	27.620.731.291	26.636.467.823
Doanh thu bán hàng hóa	78.821.321.596	59.606.217.761
Doanh thu dịch vụ cho thuê bất động sản	39.649.297.762	35.689.887.022
<b>Cộng</b>	<b>479.891.579.882</b>	<b>398.143.967.980</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.35	22.748.258.734	979.309.001

**4.24. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vé máy bay	4.904.325.176	4.617.812.540
Dịch vụ lữ hành	29.628.668	98.814.600
<b>Cộng</b>	<b>4.933.953.844</b>	<b>4.716.627.140</b>

**4.25. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lữ hành	224.508.472.928	181.661.787.081
Giá vốn vé máy bay	82.202.171.959	69.918.742.123
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	9.084.984.211	8.179.351.519
Giá vốn bán hàng hóa	77.547.904.005	58.522.596.445
Giá vốn cho thuê bất động sản	6.703.956.016	8.285.782.373
<b>Cộng</b>	<b>400.047.489.119</b>	<b>326.568.259.541</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia – Xem thêm Mục 4.35	414.957.838	1.624.875.000
Lãi chuyển nhượng vốn	-	530.640.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	431.511.137	334.184.130
Chiết khấu thanh toán được hưởng	588.789.351	374.023.073
Chênh lệch tỷ giá	156.318.710	61.502.664
<b>Cộng</b>	<b>1.591.577.036</b>	<b>2.925.224.867</b>

**4.27. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.891.770.331	1.583.765.817
Dự phòng tổn thất đầu tư	555.569.710	1.750.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.961.156	1.495.773
<b>Cộng</b>	<b>2.457.301.197</b>	<b>3.335.261.590</b>

**4.28. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	16.494.612.976	14.290.309.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.339.528.666	13.348.873.228
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.431.034.372	6.878.496.715
<b>Cộng</b>	<b>35.265.176.014</b>	<b>34.517.679.649</b>

**4.29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	11.899.273.761	9.317.892.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.620.745.114	5.508.798.680
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(751.121.783)	(538.089.574)
Chi phí bằng tiền khác	4.275.742.293	5.160.094.724
<b>Cộng</b>	<b>23.044.639.385</b>	<b>19.448.696.523</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.617.373.568	64.419.657.036
Chi phí nhân viên	30.219.688.837	25.176.196.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.159.192.241	2.204.993.890
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng	(751.121.783)	(538.089.574)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.309.699.616	324.704.685.027
<b>Cộng</b>	<b><u>568.554.832.479</u></b>	<b><u>415.967.443.278</u></b>

**4.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	15.006.371.654	12.632.518.119
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	904.886.159	597.178.616
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.905.309.153)	(1.626.591.057)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(240.311.498)	(11.603.105.678)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	10.765.637.162	-
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.153.127.432	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b><u>2.153.127.432</u></b>	<b><u>-</u></b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**4.32. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	176.636.014.171	120.772.302.981

**4.33. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(160.152.265.463)	(98.000.527.856)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.34. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ lữ hành;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ cho thuê bất động sản;
- Bán hàng hoá.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:

Đơn vị tính: Triệu VND

	Dịch vụ lữ hành		Dịch vụ vé máy bay		Dịch vụ nhà hàng, khách sạn		Dịch vụ cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Doanh thu</b>														
Từ khách hàng bên ngoài	241.955	196.900	91.845	79.311	27.621	26.637	39.649	35.690	78.822	59.606	-	-	479.892	398.144
Giữa các bộ phận	6.693	13.025	75.047	48.779	2	-	-	-	-	-	(81.742)	(61.804)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>248.648</b>	<b>209.925</b>	<b>166.892</b>	<b>128.090</b>	<b>27.623</b>	<b>26.637</b>	<b>39.649</b>	<b>35.690</b>	<b>78.822</b>	<b>59.606</b>	<b>(81.742)</b>	<b>(61.804)</b>	<b>479.892</b>	<b>398.144</b>
<b>Kết quả kinh doanh</b>														
Kết quả của bộ phận	17.417	15.184	4.739	4.730	18.536	18.457	32.945	27.404	1.273	1.084	-	-	74.910	66.859
Chi phí không phân bổ													(58.310)	(53.966)
Thu nhập tài chính													1.592	2.925
Chi phí tài chính													(2.457)	(3.335)
Thu nhập khác													221	184
Chi phí khác													(949)	(34)
Lợi nhuận trước thuế													15.006	12.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp													(2.153)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>													<b>12.853</b>	<b>12.633</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**Các thông tin thuyết minh khác**

Đơn vị tính: Triệu VND

	Dịch vụ lữ hành		Dịch vụ vé máy bay		Dịch vụ nhà hàng, khách sạn		Dịch vụ cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/24	Tại ngày 01/01/24	Tại ngày 30/06/24	Tại ngày 01/01/24	Tại ngày 30/06/24	Tại ngày 01/01/24	Tại ngày 30/06/24	Tại ngày 01/01/24	Tại ngày 30/06/24	Tại ngày 01/01/24	Tại ngày 30/06/24	Tại ngày 01/01/24
Tài sản của bộ phận	125.283	128.243	30.676	35.025	10.374	10.746	68.209	65.171	36.949	2.406	271.491	241.591
Tài sản không phân bổ											263.848	218.931
<b>Tổng tài sản</b>											<b>535.339</b>	<b>460.522</b>
Nợ phải trả của bộ phận	122.900	51.578	3.831	4.620	1.544	1.783	222	492	11.619	-	140.116	58.473
Nợ phải trả không phân bổ											158.667	178.065
<b>Tổng nợ phải trả</b>											<b>298.783</b>	<b>236.538</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:**

*Đơn vị tính: Triệu VND*

	TP.Hồ Chí Minh		TP.Hà Nội		TP.Đà Nẵng		TP.Cần Thơ		Vĩnh Long		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Doanh thu</b>														
Từ khách hàng bên ngoài	406.743	311.396	31.404	33.433	15.063	23.846	19.788	23.293	6.894	6.176	-	-	479.892	398.144
Giữa các bộ phận	81.560	61.804	31	-	151	-	-	-	-	-	(81.742)	(61.804)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>488.303</b>	<b>373.200</b>	<b>31.435</b>	<b>33.433</b>	<b>15.214</b>	<b>23.846</b>	<b>19.788</b>	<b>23.293</b>	<b>6.894</b>	<b>6.176</b>	<b>(81.742)</b>	<b>(61.804)</b>	<b>479.892</b>	<b>398.144</b>
Tài sản cố định của bộ phận tại ngày 30/06	67.218	70.921	-	-	-	-	-	-	-	52	-	-	67.218	70.973

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.35. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV – Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Chiểu	Chi nhánh của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
3. Chi nhánh Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV – Trung tâm Dịch vụ Kho vận	Chi nhánh của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
4. Chi nhánh Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV – Hồ Tràm Resort	Chi nhánh của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	Công ty liên kết
6. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết
7. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành – Phú Xuân	Công ty liên kết
8. Công ty Cổ phần Du lịch Huế	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Công ty Cổ phần Sài Gòn – Đà Lạt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn:</b>		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	40.000.000	71.299.500
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	83.250.000	83.250.000
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.3</b>	<b>123.250.000</b>	<b>154.549.500</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	22.380.000	137.920.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm Mục 4.5:</b>		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	3.584.224.370	3.584.224.370

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV – Trung tâm Dịch vụ Kho vận	21.949.051.852	-
Tổng Công ty Bến Thành – Công ty TNHH MTV	627.103.549	962.909.910
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV – Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Chiểu	152.777.778	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Huế	19.325.555	16.399.091
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.23</b>	<b><u>22.748.258.734</u></b>	<b><u>979.309.001</u></b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua dịch vụ:</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV – Hồ Tràm Resort	143.902.627	134.526.743
Công ty Cổ phần Sài Gòn – Đà Lạt	2.777.778	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Huế	121.738.747	145.899.145
<b>Cộng</b>	<b><u>268.419.152</u></b>	<b><u>280.425.888</u></b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Cổ tức được chia:</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	414.957.838	-
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành – Phú Xuân	-	1.624.875.000
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.26</b>	<b><u>414.957.838</u></b>	<b><u>1.624.875.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Hoàng Tâm Hoà	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	-	48.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Thành viên HĐQT / TGD	36.000.000	394.263.000	430.263.000	36.000.000	329.880.000	365.880.000
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Thành viên HĐQT / Phó TGD	36.000.000	255.635.000	291.635.000	36.000.000	248.155.000	284.155.000
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên HĐQT / Phó TGD	36.000.000	285.635.000	321.635.000	36.000.000	178.961.000	214.961.000
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên HĐQT/Phó TGD	36.000.000	-	36.000.000	36.000.000	-	36.000.000
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó TGD	-	236.693.000	236.693.000	-	212.380.000	212.380.000
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	118.440.000	148.440.000	30.000.000	115.445.000	145.445.000
Ông Thái Minh Duy	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	-	24.000.000	24.000.000	-	24.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	-	24.000.000	24.000.000	-	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Kế toán trưởng	12.000.000	256.380.000	268.380.000	-	245.580.000	245.580.000
<b>Cộng</b>		<b>282.000.000</b>	<b>1.547.046.000</b>	<b>1.829.046.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>1.330.401.000</b>	<b>1.600.401.000</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.36. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.544.397.692	7.852.612.983

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	11.088.795.384	11.312.131.095
Trên 1 năm đến 5 năm	22.294.772.469	33.383.567.853
Trên 5 năm	145.399.227.939	178.782.795.792
<b>Cộng</b>	<b>178.782.795.792</b>	<b>223.478.494.740</b>

**4.37. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Trinh  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024